TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PR** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ- ST
Ngày 10/10/2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PR, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Khả Thế**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Công Chự**;
2. Ông **Nguyễn Ngọc Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thùy Nhung** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thị Bích Ngọc**– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 23 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Làng Đút, xã Ia Lâu, huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Bàn Nguyên Đ**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Làng Đút, xã Ia Lâu, huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày: Chị và anh Bàn Nguyên Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Lâu, huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2000. Bước đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2006 thì vợ, chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Đức có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đức vẫn không thay đổi, anh Đức còn có hành vi bạo lực với chị nhiều lần, tháng 10/2020 chị và anh Đức đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Chị Thanh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn; Về con chung: Chị và anh Bàn Nguyên Đ có 03 (ba) con chung tên là Bàn Thị Loan, sinh ngày 07/9/2000; Bàn Tiến Chiến, sinh ngày 04/02/2004 và Bàn Thị Hồng, sinh ngày 09/4/2006 hiện hai con chung là Bàn Thị Loan, sinh ngày 07/9/2000 và Bàn Tiến Chiến, sinh ngày 04/02/2004 đã trưởng thành và tự lập được nên không cần ai nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng. Còn cháu Bàn Thị Hồng, sinh ngày 09/4/2006, nguyện vọng của chị mong muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Bàn Nguyên Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn anh Bàn Nguyên Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Bàn Nguyên Đ không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T, anh Đức cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CHƯ PR tham gia phiên tòa – bà Mai Thị Bích Ngọc có ý kiến phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Thành phần Hội đồng xét xử: Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều có mặt đầy đủ theo đúng thành phần, không có sự thay đổi thành phần của Hội đồng xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị T và xử ly hôn giữa chị Triệu Thị T và anh Bàn Nguyên Đ. Về con, đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 (một) con chung tên là Bàn Thị Hồng, sinh ngày 09/4/2006 cho chị Triệu Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bàn Nguyên Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn là chị Triệu Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai giải quyết cho ly hôn với anh Bàn Nguyên Đ, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Anh Bàn Nguyên Đ có nơi cư trú tại làng Đút, xã Ia Lâu, huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai. Anh Bàn Nguyên Đ vắng mặt tại phiên toà, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ cho anh Đức lần thứ nhất nhưng anh Đức vắng mặt không có lý do. Tòa án có quyết định hoãn phiên Tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đức lần thứ hai, nhưng anh Đức vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Bàn Nguyên Đ là phù hợp với điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị Triệu Thị T và anh Bàn Nguyên Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Lâu, huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2000 là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị T Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Triệu Thị T và anh Bàn Nguyên Đ có sảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên sảy ra lời qua tiếng lại với nhau, vợ chồng không còn ý chí phấn đấu để xây dựng hạnh phúc gia đình, bởi vậy đời sống chung của hai vợ chồng không được kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Triệu Thị T xin ly hôn là có căn cứ, do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị T là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị Triệu Thị T và anh Bàn Nguyên Đ có 03 (ba) con chung tên là Bàn Thị Loan, sinh ngày 07/9/2000; Bàn Tiến Chiến, sinh ngày 04/02/2004 hiện hai con đã trưởng thành và tự lập được nên không cần ai nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng và Bàn Thị Hồng, sinh ngày 09/4/2006 đang được chị Thanh nuôi dưỡng trực tiếp, trong thời gian qua cháu Hồng có cuộc sống tốt, phát triển bình thường, tại bút lục số 63 ngày 31/8/2022 cháu Bàn Thị Hồng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Triệu Thị T và chị Triệu Thị T có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Triệu Thị T được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

Anh Bàn Văn Đức có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, chị Triệu Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn là chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử ly hôn giữa chị Triệu Thị T và anh Bàn Nguyên Đ.

2.*Về nuôi con:* Giao 01 (một) con chung tên là Bàn Thị Hồng, sinh ngày 09/4/2006 (như nguyện vọng của con) cho chị Triệu Thị T được quyền tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.*Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Triệu Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

4.Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Triệu Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004551, ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CHƯ PR, tỉnh Gia Lai. Chị Triệu Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện CHƯ PR;
- Chi cục THADS huyện CHƯ PR;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ia Lâu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Khả Thế

CÁC VỊ HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THỊ ĐỨC **BẾ THỊ HỢI**

LÊ KHẢ THẾ